

TỨ DIỆU ĐẾ

CATTĀRI ARIYASACCĀNI

I. Định nghĩa:

Tứ Diệu Đế là gì?

Từ Pāli Cattāri Ariyasaccāni được dịch là Tứ Diệu Đế hay Tứ Thánh Đế. Cattāri: là bốn (4), Ariyasaccāni (Ariya + sacca): là Diệu đế hay Thánh đế. Chữ Ariya có hai nghĩa:

- Nói theo nghĩa danh từ thì chữ Ariya nghĩa là bậc Thánh.
- Nói theo nghĩa tính từ thì Ariya nghĩa là đặc biệt, vi diệu, cao quý, cao thượng.

Chữ Sacca dịch là đế, nghĩa là sự thật, chân lý.

Sự thật ở đời không thể sửa đổi, pháp có chân tướng bản thể không sai khác gọi là chân lý (sacca).

Những sự thật liên quan đến trí giác ngộ như Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là Ariyasacca (Diệu đế, hay Thánh đế).

Như vậy, Tứ Diệu Đế (Ariyasacca) nghĩa là bốn chân lý hay bốn sự thật cao siêu, thâm sâu, vi diệu.

Nghĩa thứ hai là bốn sự thật này chỉ có bậc Thánh mới có thể thấu hiểu hoàn toàn, thâm nhập thông suốt gọi là Tứ Thánh Đế (Ariyasacca).

Được gọi là Tứ Thánh Đế bởi vì:

- Bốn chân lý này được thấu hiểu hoàn toàn, thông suốt bởi chư Thánh.
- Chúng được giảng dạy bởi bậc Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Khi một chúng sanh đã thấu suốt, giác ngộ bốn chân lý này thì vị ấy được gọi là Thánh nhân (Ariya) hay bậc Đoạn Lậu.
- Chúng là sự thật không thể thay đổi, không thể nhầm lẫn sự thật về sự hiện hữu của kiếp sống.

Tứ Thánh Đế là pháp căn bản, cốt yếu trong lời dạy của Đức Phật, được Đức Phật khám phá, thấy rõ, thông suốt, giác ngộ vào đêm rằm tháng tư dưới cội cây Bồ đề và được Ngài thuyết giảng nhiều lần trong 45 năm hoằng pháp.

Bằng nhiều phương thiện, Đức Phật đã thuyết giảng về Tứ Diệu Đế để chúng sanh hữu duyên tỏ ngộ Tứ Diệu Đế như Ngài.

Tứ Diệu Đế là:

1. Khổ Đế (Dukkhasacca)
2. Tập Đế (Samudayasacca)
3. Diệt Đế (Nirodhasacca)
4. Đạo Đế (Maggasacca)

II. Nội Dung:

1. Khổ Đế (Dukkhasacca):

1.1 Khổ Đế là gì?

Khổ Đế (Dukkhasacca) là sự thật về sự khổ ở đời, . Từ Dukkha dịch là khổ nghĩa là sự khó chịu đựng, sự bất toại nguyện, đau khổ. Những tình trạng khó chịu, đau đớn, buồn rầu... gọi là Khổ Đế.

Khổ Đế nói theo Kinh tạng là:

Này các Tỳ khưu, đây là Khổ Thánh Đế:

- Sanh là khổ (jātipi dukkhā)
- Già là khổ (jarāpi dukkhā)
- Bệnh là khổ (byādhipi dukkho)
- Chết là khổ (maraṇampi dukkham)
- [sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ (soka-parideva-dukkha-domanassa-upāyāsāpi dukkhā)]
- Ghét phải gần là khổ (appiyehi sampayogo dukkho)
- Thương phải xa là khổ (piyehi vippayogo dukkho)
- Muốn không được là khổ (yaṃpiccham na labhati tampi dukkham)
- Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ (saṅkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā).

Khổ Đế được Đức Phật mô tả nhiều hình thức nhưng chung quy khổ là có thân ngũ thủ uẩn. Vì sanh, già, chết...bức bách năm uẩn đối tượng của chấp Thủ (upādāna)

Nói theo Tạng Vi Diệu Pháp, Khổ Đế là: 81 tâm hiệp thế, 51 Sở hữu tâm (trừ SH tham), và 28 Sắc Pháp.

Vì sao tâm Siêu Thế không được kể vào Khổ đế?

Tâm Siêu thế không được kể vào Khổ đế là bởi vì tâm Siêu thế là hệ quả của việc thanh lọc phiền não. Tâm Đạo và Tâm Quả sanh khởi tuyệt trừ phiền não, cắt đứt vòng sanh tử luân hồi, đạt đến Níp Bàn, chấm dứt hoàn toàn mọi đau khổ.

1. 2 Hành Tướng Của Khổ Đế:

Khổ Đế hiện bày trên 3 tình trạng:

- a) Khổ khổ (Dukkhadukkhatā): là sự khổ phát sanh do bất toại nguyện, tức là những cảm thọ khổ của thân và tâm, như thân bệnh tật, đau nhứt, bị đánh đập, tâm sân hận, buồn phiền... sự khổ này thông thường chúng sanh đều nhận biết được.

Theo Vi Diệu Pháp, những tâm thọ ưu và thọ khổ thuộc về thọ khổ (2 tâm sân thọ ưu, 1 thân thức thọ khổ + sở hữu hợp).

- b) Hoại khổ (Vipariṇāmadukkhatā): sự khổ phát sanh do biến hoại thay đổi, tức là những cảm thọ lạc của thân tâm, những niềm vui bị tan biến, hoại diệt mất tạo ra sự thất vọng.

Theo Vi Diệu Pháp, Hoại khổ là những tâm hiệp thế thọ hỷ bị hoại diệt mất (4 tâm tham thọ hỷ, thân thức thọ lạc, quan sát thọ hỷ, tâm ưng cúng vi tiểu thọ hỷ, 12 tâm dục giới thọ hỷ, 12 tâm sắc giới thọ hỷ + sở hữu tâm hợp).

- c) Hành khổ (Saṅkhāradukkhatā): là sự khổ do sự vận hành sanh diệt của pháp hữu vi. Ở đây, pháp hữu vi chỉ cho thân ngũ uẩn hay danh Sắc biến đổi sanh diệt, bị vô thường chi phối. Sự khổ này xuất phát từ trạng thái vô

thường, sự khổ hiển nhiên của pháp hành. Chỉ có tuệ quán mới nhận thức được sự khổ này.

Theo Vi Diệu Pháp, Hành khổ là những tâm hiệp thế thọ xả (4 tâm tham thọ xả, 2 tâm si, 14 tâm vô nhân thọ xả, 12 tâm dục giới thọ xả, 15 tâm ngũ thiện hiệp thế + Sở hữu tâm hợp).

Hành khổ là Xả thọ và các hành khác trong 3 cõi là Hành khổ, vì chúng bị bức bách sanh diệt.

Hành khổ Hiệp thế mới gọi là Khổ đế. Hành khổ, Hoại khổ của pháp Siêu Thế không gọi là Khổ đế. Bởi vì tâm Siêu thế đoạn trừ Tập đế, chấm dứt Khổ đế. Chức năng tâm Siêu thế là đoạn tận sanh hữu.

Đối với phàm nhân chỉ chỉ nhận thức, cảm nhận được 2 sự khổ, đó là Khổ khổ và Hoại khổ.

Nói tóm lại, ngũ thủ uẩn là khổ, uẩn nào phát sanh từ nơi nghiệp thủ (dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã chấp thủ), tức là do Tham ái và Tà kiến tạo nên thì uẩn đó mới gọi là Khổ đế. Ngũ uẩn do Tham ái và Tà kiến tạo thành và có sự chấp thủ ngũ uẩn đó mới gọi là Khổ đế. Còn tứ danh uẩn Siêu thế không phải do nghiệp thủ tạo ra nên không gọi là Khổ đế.

Khổ đế và Khổ trong Tam tướng giống nhau hay khác nhau?

- Khổ đế có liên quan đến cảm thọ (thọ uẩn).
- Khổ trong Tam tướng là nói chung, các pháp hữu vi có sự sanh diệt nên có sự chuyển biến thay đổi đưa đến tình trạng khổ.
“Cái gì vô thường là khổ” (S. 2,53)
- Khổ đế nói trên phương diện khổ do cảm thọ.
- Khổ trong Tam tướng là khổ do tướng vô thường.

Do vậy, Khổ đế và Khổ trong Tam tướng có 2 tình trạng khác nhau.

2. Tập Đế (Samudayasacca):

2.1 Tập Đế là gì?

Theo Kinh Tạng gọi là Khổ Tập Thánh Đế (dukkhasamudayo ariyasaccam).

Tập Đế là sự thật về nguyên nhân sanh ra sự khổ. Theo Kinh Tạng, Kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật dạy:

Idam kho pana, bhikkhave, dukkhasamudayo ariyasaccam. Yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandirāgasahagatā tatratatrābhinandinī, seyyathidaṃ: kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.

Này các Tỳ khuru, đây là Khổ Tập Thánh Đế, chính là khát ái dẫn đến tái sanh, cùng với hỷ và tham, tầm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Chính là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Tập đế là ba loại ái:

- Dục Ái (kāmataṇhā)
- Hữu Ái (bhavataṇhā)
- Phi Hữu Ái (vibhavataṇhā).

- a) Dục Ái (kāmataṇhā): là lòng tham muốn, dính mắc, say mê theo dục lạc ngũ trần.
- b) Hữu Ái (bhavataṇhā): là tâm tham muốn, ái luyến cõi tái sanh trong Dục giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới; sự ưa thích, ái nhiễm thiên lạc; ước muốn được tồn tại mãi mãi, ưa thích ái nhiễm với quan niệm thường kiến Sassatadiṭṭhi).
- c) Phi Hữu Ái (vibhavataṇhā): là sự thích thú, ái nhiễm trong quan niệm đoạn kiến (Ucchedadiṭṭhi), tức là thích thú với quan niệm không có tái sinh luân hồi, không có đời sau, chết là hết.

Trong Bộ Phân Tích phần Đế có giải thích Tập đế không chỉ riêng cho Ái mà có cả pháp bất thiện và pháp thiện Hiệp thế.

Có đoạn giải thích tất cả pháp bất thiện là Tập đế, vì pháp bất thiện làm cho bị đốt nóng, làm cho khổ đau.

Đoạn khác lại giải thích Tập đế tức là chỉ cho tâm bất thiện và tâm thiện hiệp thế. Vì sao? Vì tâm bất thiện và tâm thiện hiệp thế chính là Nghiệp Luân Hồi tạo ra Quả Luân Hồi.

Khi nói đến Tập Đế là nhân sanh Khổ Đế, dựa trên Thập Nhị Duyên Khởi, chúng ta thấy rõ ở đây tùy theo trường hợp mà Đức Phật thuyết.

Chúng ta thấy hai gốc của Duyên Sinh là Vô Minh và Tham ái. Vô Minh là nhân quá khứ và Ái là nhân hiện tại. Đức Phật chỉ nói cụ thể nhân hiện tại là Ái thôi, Ái đại diện cho gốc Vô minh ở quá khứ, chỉ khi nào cần Ngài mới nói luôn cả nhân quá khứ và nhân hiện tại là Vô Minh và Ái. Vì thế có lúc Ngài đề cập chỉ có Ái là Tập đế, hoặc Vô Minh và Ái là Tập đế.

Tại sao có lúc Đức Phật dạy nghiệp bất thiện và nghiệp thiện hiệp thể cũng gọi là Tập đế? Bởi vì ở đây, Đức Phật nói trên phương diện nhân trực tiếp và nhân gián tiếp.

Nếu nói Vô minh và Ái là nói về nhân gián tiếp. Ở đây, Vô Minh và Ái thuộc Phiền Não Luân.

Nếu nói nghiệp bất thiện và nghiệp thiện hiệp thể là nói về nhân trực tiếp. Nghiệp bất thiện và nghiệp thiện hiệp thể trong đời quá khứ gọi là Hành. Nghiệp bất thiện và nghiệp thiện hiệp thể ở đời hiện tại gọi là Hữu. Hành và Hữu thuộc Nghiệp Luân Hồi. Hành là nhân quá khứ, gồm có Phi phúc hành, Phúc hành và Bất động hành. Hữu là nhân hiện tại, gồm có Thân nghiệp hữu, khẩu nghiệp hữu và ý nghiệp hữu.

Nghiệp Luân Hồi tạo ra Quả Luân Hồi, Hành là nhân quá khứ tạo ra quả hiện tại (đời sống này) là Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ. Hữu là nhân hiện tại tạo ra quả vị lai (đời sống sau) là Sanh và Lão Tử.

Vì vậy cho nên nói nhân trực tiếp tạo ra Quả Luân Hồi đó là Hành và Hữu, tức là nghiệp bất thiện và nghiệp thiện hiệp thể là Tập Đế.

Dựa trên 3 luân của Thập Nhị Duyên khởi mà giải thích thì Quả Luân Hồi là Khổ Đế. Quả Luân Hồi có do nhân tức là Tập Đế. Tập Đế ở đây có hai:

Tập Đế nói theo Nghiệp Luân Hồi thì đó là tất cả nghiệp bất thiện và nghiệp thiện hiệp thể (Hành và Hữu).

Tập Đế nói trên phương diện Phiền Não Luân Hồi thì đề cập đến Vô Minh và Ái.

Chúng ta nói nhân trực tiếp nhân hiện tại thì chỉ nói đến Ái thôi, trong Ái có Vô Minh, nói cho đủ là Vô Minh và Ái.

Như vậy, Đức Phật tùy theo trường hợp, bối cảnh, đối tượng mà thuyết như vậy. Ngài thuyết về Tập Đế dựa trên Phiền Não Luân Hồi, Nghiệp Luân Hồi thì Ngài nói hai cách đó là Tập Đế.

Nếu như không có Phiền Não Luân thì không có Nghiệp Luân, Nghiệp Luân không có thì không có Quả Luân. Đoạn tận, bẻ gãy được mắc xích Phiền Não Luân thì vòng luân hồi chấm dứt.

Tập Đế có đặc tính là sanh sản sự Khổ, là mầm móng phát sanh ra Khổ Đế.

Theo Vi Diệu Pháp giải thích, Tập Đế chính là Sở Hữu Tham.

3. Diệt Đế (Nirodhasacca):

Tạng kinh gọi là Khổ Diệt Thánh Đế (dukkhanirodho ariyasaccaṃ).

Diệt Đế (Nirodhasacca) là sự thật về sự đoạn diệt khổ đau. Diệt Đế là chân lý hiển nhiên là như vậy, chỉ là hiện tượng tự nhiên, khi nào sự khổ không còn nữa, sự khổ chấm dứt gọi là Niết bàn.

Ngày nào, chúng sanh còn hiện hữu, còn tái sanh thì ngày đó còn bị sự khổ chi phối, khi nào chấm dứt sự tái sanh luân hồi thì sự khổ chấm dứt, đó là Diệt Đế.

Ở đây, khi nói đến Diệt Đế tức là nói đến đoạn diệt nhân sanh khổ và chấm dứt khổ.

Theo Tạng Kinh, Đức Phật giải thích Niết bàn bằng những từ ngữ khác như là:

Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkhanirodho ariyasaccaṃ. Yo tassā yeva taṇhāya asesavirāganīrodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.

Này các Tỳ khưu, đây là Khổ Diệt Thánh Đế, chính là ly tham, đoạn diệt, không còn khát ái, là sự từ bỏ, sự xả bỏ, giải thoát, không còn chấp trước.

Theo Vi Diệu Pháp giải thích Diệt Đế chính là trạng thái Nibbāna (Niết Bàn). Diệt Đế có đặc tính là vắng lặng, đoạn diệt, xả ly hoàn toàn đối với Tập đế.

Ở đây chúng ta không phải diệt khổ mà đoạn diệt nhân sanh ra sự khổ, vì đoạn diệt được nhân sanh khổ cho nên khổ không có mặt, chữ Nirodha ở đây chúng ta cần được nhấn mạnh ở chỗ đó. Chữ Nirodha có nghĩa là đoạn diệt nguồn gốc của sự khổ, được gọi là Dukkhanirodha (Diệt Khổ).

4. Đạo Đế (Maggasacca):

Kinh Tạng gọi là Khổ Diệt Đạo Thánh Đế (dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam).

Đạo Đế là chân lý về con đường tu tập để dẫn đến đoạn diệt sự khổ (Diệt Đế).

Theo Tạng Vi Diệu Pháp lẫn Tạng Kinh đều giải thích giống nhau.

Trong Kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật dạy:

Idam kho pana, bhikkhave, dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam.
Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, seyyathidaṃ: sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo
sammāvācā sammākammanto sammā-ājīvo sammāvāyāmo sammāsaṭi
sammāsamādhi.

Này các Tỳ khưu, đây là Khổ Diệt Đạo Thánh Đế, chính là Thánh Đạo Tám chi phần: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh Mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Bát chánh đạo là:

1. Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi):

Tức là trí tuệ thấy rõ Tứ Thánh Đế, hoặc thấy rõ tam tướng đối với ngũ uẩn, hoặc hiểu được điều thiện, bất thiện. Chánh kiến là chi phần ngăn trừ tà kiến. Chi pháp Chánh Kiến là Sở hữu trí tuệ.

Trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tri kiến? Này các Tỷ kheo, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến.

2. Chánh Tư Duy (Sammāsaṅkappo):

Là sự suy nghĩ chân chánh, như suy nghĩ ly dục, vô sân, bất hại. Chánh tư duy là chi phần ngăn trừ Tà tư duy. Chi pháp Chánh tư duy là Sở hữu tâm.

Trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này các tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy.

3. Chánh Ngữ (Sammāvācā):

Là nói lời chân chánh. Chánh ngữ là chi phần ngăn trừ Tà ngữ. Chi pháp Chánh ngữ là Sở hữu chánh ngữ.

Chánh ngữ có 4 điều là:

- Tránh xa sự nói dối, tức là nói lời chân thật.
- Tránh xa nói lời đâm thọc, tức là nói lời hòa hợp.
- Tránh xa nói lời độc ác, tức là nói lời dịu ngọt (nói với tâm từ).
- Tránh xa nói lời vô ích, tức là nói lời lợi ích.

Trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ kheo thế nào là Chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ.

4. Chánh Nghiệp (Sammākammanto):

Là hành động chân chánh. Chánh nghiệp là chi phần ngăn trừ Tà nghiệp. Chi pháp Chánh nghiệp là Sở hữu chánh nghiệp.

Chánh nghiệp có 3 điều là:

- Tránh xa sự sát sanh.
- Tránh xa sự trộm cắp.

- Tránh xa sự tà dâm.

Trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cướp, tự chế không tà dâm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp.

5. Chánh Mạng (Sammā-ājīvo):

Là sự nuôi mạng chân chánh, không dùng sở hành tà vạy để tạo sinh kế. Chánh mạng là chi phần ngăn trừ Tà mạng. Chi pháp Chánh mạng là Sở hữu chánh mạng.

Trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh mạng? Này các Tỷ kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh mạng.

Người cư sĩ tại gia tránh xa 5 điều thương mãi thuộc Tà mạng là:

- Buôn bán vũ khí (satthavaṇijjā)
- Buôn bán người (sattavaṇijjā)
- Buôn bán thịt thú (maṃsavaṇijjā), theo tập số Atthakathā giải điều này có nghĩa là nuôi thú vật bán.
- Buôn bán chất say (majjavaṇijjā).
- Buôn bán thuốc độc (visavaṇijjā).

Đối với bậc xuất gia, Tỷ kheo, Tỷ kheo ni tránh 21 điều tà mạng (asesana), nuôi mạng sống bằng cách suy tính thế nọ thế kia, hoặc cho vật chi đến người cư sĩ mà không nên cho, cố ý đổi lấy vật dụng khác để nuôi mạng mình, như cho tre, cho lá cây, cho bông hoa, cho trái cây... đem tin tức thơ từ cho người, làm thầy thuốc chữa bệnh cho người, ...

6. Chánh Tinh Tấn (Sammāvāyāmo):

Là sự siêng năng chân chánh, tức là gắng sức dẹp bỏ ác pháp và trau dồi thiện pháp. Chánh tinh tấn là chi phần ngăn trừ Tà tinh tấn. Chi pháp Chánh tinh tấn là Sở hữu cần.

Chánh tinh tấn gồm Tứ chánh cần:

- Tinh tấn ngăn ngừa ác pháp chưa sanh (anuppannākusalapahāna) gọi là Thận cần.
- Tinh tấn diệt trừ ác pháp đang sanh (uppannākusalapahāna) gọi là trừ cần.
- Tinh tấn tu tập các thiện pháp chưa sanh (anuppannakusalabhāvanā) gọi là Tu cần.
- Tinh tấn phát triển những thiện pháp đã sanh (uppannakusalabhāvanā) gọi là Bảo cần.

Trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn?

- Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.
- Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.
- Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.
- Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn.

Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

7. Chánh Niệm (Sammāsati):

Là sự ghi nhận, ghi nhớ đúng đắn chân chánh, sự chú ý ghi nhận các đối tượng Danh Sắc hay quán niệm trên bốn niệm xứ là Thân, Thọ, Tâm và Pháp để thấy rõ tam tướng vô thường, khổ và vô ngã. Chánh niệm là chi phần ngăn trừ Tà niệm. Chi pháp Chánh niệm là Sở hữu niệm.

Trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh niệm? Này các Tỷ kheo, ở đây vị Tỷ kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, đề chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các cảm thọ... sống quán tâm trên các tâm... sống quán pháp trên các pháp, tỉnh cần tỉnh giác, chánh niệm đề chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh niệm.

8. Chánh Định (Sammāsamādhi):

Là trạng thái an trụ tâm vững vàng, chân chánh, tức là sự chú tâm, sự tập trung tâm ý trên đề mục thiền. Chánh định là chi phần ngăn trừ Tà định. Chi pháp Chánh định là Sở hữu nhất hành.

Trong Kinh Đại Niệm Xứ, Đức Phật dạy:

Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh định?

- Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.
- Tỷ kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.
- Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh định.

Bát chi thánh đạo này còn gọi là bát chi đạo (Atthaṅgikamagga). Đây là con đường trung đạo (Majjhimā paṭipadā) đưa đến giải thoát.

Đạo Đế có 2 trường hợp là Đạo Đế tu tập và Đạo Đế tu chứng.

Đạo Đế tu tập tức là đang tu tập từng phần những chi đạo bằng tâm đại thiện, là những bước tu tập ban đầu chuẩn bị để tiến lên Đạo Đế tu chứng. Như hành giả tu tập Chánh niệm đạt đến sát na định hay cận định, hoặc tu tập Chánh tinh tấn, Chánh niệm, hoặc tu tập Chánh kiến, Chánh tư duy bằng tâm đại

thiện... Tu tập từng chi phần chánh đạo chứ không thể cùng một lúc tu đủ cả 8 chi phần.

Đạo Đế tu chứng tức là 8 chi đạo sanh cùng một lúc vào sát na Tâm Đạo sanh khởi. Khi vị hành giả tu tập bát chi đạo bằng tâm đại thiện được tròn đủ đạt đến mức độ thuần thực rồi, khi ấy hội đủ nhân duyên thì bát chi đạo cùng hiện khởi trong sát na tâm Sơ Đạo, Nhị Đạo, Tam Đạo, Tứ Đạo thì gọi là Đạo Đế tu chứng.

Bát Chi Thánh Đạo xếp theo Tam học là:

- a) Tuệ học: Chánh kiến, Chánh tư duy
- b) Giới học: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.
- c) Định học: Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Ba Luân Trong Tứ Thánh Đế:

Ba loại trí (Ñāṇa) được gọi là ba luân (Parivaṭṭa) của sự giác ngộ Bốn Đế.

1. Sự thật trí (Saccañāṇa): là trí hiểu biết bốn sự thật rằng:

- a) Đây là Khổ Thánh Đế.
- b) Đây là Khổ Tập Thánh Đế.
- c) Đây là Khổ Diệt Thánh Đế.
- d) Đây là Khổ Diệt Đạo Thánh Đế.

2. Sở dụng trí (Kiccañāṇa): là trí hiểu tính ứng dụng trong Bốn Đế, là hiểu biết rằng:

- a) Khổ Thánh Đế cần biến tri,
- b) Khổ Tập Thánh Đế cần đoạn trừ,
- c) Khổ Diệt Thánh Đế cần tác chứng;
- d) Khổ Diệt Đạo Thánh Đế cần tu tập.

3. Sở tác trí (Katañāṇa): trí rõ biết điều đã làm đối với Bốn Đế, tức là biết rõ:

- a) Khổ Thánh Đế cần biết đã biết.
- b) Khổ Tập Thánh Đế cần đoạn trừ đã đoạn trừ.
- c) Khổ Diệt Thánh Đế cần tác chứng đã tác chứng.

d) Khổ Diệt Đạo Thánh Đế cần tu đã tu tập.

Đức Thế Tôn đã giác ngộ Tứ đế theo ba luân, mười hai thể (Ākāra). Sự giác ngộ ấy gọi là tri kiến như thật (Yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ), đối với bốn đế, và chính do tri kiến như thật ấy đã khởi nên Đức Phật đã xưng danh là Chánh Đẳng Chánh Giác (Sammāsambuddho).